

CHƯƠNG TRÌNH THI TUYỂN NGÂN HÀNG AGRIBANK
BÀI THI TUYỂN DỤNG VỊ TRÍ CÁN BỘ KẾ TOÁN/GDV
Môn thi: Nghiệp vụ

Họ và tên:

Ngày sinh:

Điện thoại:

Email:

Ngày thi:

Hướng dẫn:

1. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm.
2. Mỗi câu chỉ có **MỘT** đáp án đúng.
3. Trả lời bằng cách **khoanh tròn** vào đáp án Anh/Chị cho là đúng ở **Phiếu trả lời trắc nghiệm**.

Câu 1:

Theo Luật các Tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng bao gồm các loại hình nào:

- A. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân
- B. Ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân
- C. Ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân
- D. Không câu nào đúng

Câu 2:

Tỷ lệ trích lập dự phòng chung đối với nợ nhóm 5 là bao nhiêu phần trăm?

- A. 0.65%
- B. 0.7%
- C. 0.75%
- D. Không phải trích dự phòng chung

Câu 3:

Đặc điểm nào dưới đây cho biết đó là loại tiền gửi có kỳ hạn?

- A. Được sử dụng như các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt
- B. Không được sử dụng như các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt
- C. Không được rút vốn trước hạn
- D. Mỗi lần muốn rút tiền phải đến Ngân hàng

Câu 4:

Yếu tố nào không thể thiếu trên chứng từ trong số những yếu tố sau?

- A. Tên chứng từ
- B. Số tiền bằng chữ, bằng số
- C. Chữ ký của những người liên quan
- D. Tất cả các yếu tố trên

Câu 5:

Số phát sinh bên có của tài khoản “Trái phiếu phát hành” phản ánh những giá trị nào sau đây ?

- A. Trị giá trái phiếu phát hành theo mệnh giá trong kỳ
- B. Phân bổ chiết khấu trái phiếu trong kỳ
- C. Phụ trội trái phiếu phát sinh trong kỳ
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 6:



Tài khoản nào sau đây không phải là tài khoản nguồn vốn của ngân hàng?

- A. Tài khoản Lãi phải trả cho tiền vay
- B. Tài khoản Nhận vốn để cho vay đồng tài trợ bằng đồng VN
- C. Tài khoản Dự phòng rủi ro tín dụng
- D. Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Câu 7:

Cuối ngày Ngân hàng thương mại A kiểm quỹ thấy thừa 100.000 VND. Ngân hàng thương mại A hạch toán:

- A. Nợ TK Tiền mặt: 100.000 VND Có TK Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý: 100.000 VND
- B. Nợ TK Thừa quỹ, tài sản chờ xử lý: 100.000 VND Có TK Tiền mặt: 100.000 VND
- C. Nợ TK Tiền mặt: 100.000 VND Có TK Tham ô, thiếu mất tiền, TS chờ xử lý: 100.000 VND
- D. Nợ TK Tham ô, thiếu mất tiền, TS chờ xử lý: 100.000 VND Có TK Tiền mặt: 100.000 VND

Câu 8:

Trong chuyển tiền điện tử, trung tâm thanh toán đối chiếu với các ngân hàng nhận lệnh (Ngân hàng B) bằng loại sổ đối chiếu nào?

- A. Đối chiếu với các ngân hàng B qua mạng vi tính theo sổ đối chiếu liên hàng khi trung tâm thanh toán truyền lệnh đi ngân hàng B
- B. Đối chiếu với các ngân hàng B sau khi đối chiếu với các ngân hàng A theo giấy báo chuyển tiền của ngân hàng A chuyển tới trung tâm thanh toán
- C. Thông qua việc hạch toán tại trung tâm khi nhận được lệnh đến và truyền lệnh đi để đối chiếu tự động theo chương trình máy tính
- D. Đối chiếu số liệu ngân hàng A và ngân hàng B theo mẫu sổ tài khoản kế toán chuyển tiền

Câu 9:

Tổ thanh toán bù trừ của Ngân hàng Ngoại thương Đông Đa mang về bộ Ủy nhiệm thu kèm theo bảng kê thanh toán bù trừ số tiền 22 triệu đồng. Đơn vị trả tiền là Công ty Mai Anh, đơn vị thụ hưởng là Công ty Bách Hóa B. Ngân hàng sẽ:

- A. NH tiến hành kiểm tra xem bộ Ủy nhiệm thu có hợp lệ hay không
- B. Nợ TK Tiền gửi thanh toán Công ty Mai Anh: 22 triệu đồng Có TK Thanh toán bù trừ: 22 triệu đồng
- C. Ngân hàng gửi báo nợ cho Công ty Mai Anh
- D. Nợ TK Thanh toán bù trừ: 22 triệu đồng





Câu 10:

Nhận được bảng kết quả thanh toán bù trừ từ chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh Ngân hàng có số tiền phải trả là 300 triệu.

- A. Nợ TK 1112: 300 triệu Có TK 5012: 300 triệu
- B. Nợ TK 5012: 300 triệu Có TK 4599: 300 triệu
- C. Nợ TK 5012: 300 triệu Có TK 1113: 300 triệu
- D. Nợ TK vay NHNN: 300 triệu Có TK 5012: 300 triệu

Câu 11:

Theo quy định hiện nay của Bộ Tài chính, các tư liệu lao động thỏa mãn tiêu chuẩn nào dưới đây thì được ghi nhận là Công cụ dụng cụ?

- A. Thời hạn sử dụng trên 1 năm và giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng.
- B. Thời hạn sử dụng dưới 1 năm và giá trị từ 10 triệu đồng trở lên.
- C. Thời hạn sử dụng dưới 1 năm và giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 12:

Doanh nghiệp có các nghiệp vụ:

Xuất Công cụ dụng cụ trong kho giá trị: 175 triệu

Phân bổ chi phí Công cụ dụng cụ: 230 triệu

Mua sắm Công cụ dụng cụ nhập kho chưa sử dụng 300 triệu (chưa VAT 10%)

Tổng số dư Có trên TK Công cụ dụng cụ là:

- A. 375
- B. 145
- C. Kết quả khác

Câu 13:

Sử dụng tài khoản nào để ghi nhận giá trị máy photo mua về nhập kho ? Biết rằng giá mua 26 triệu đồng/ máy (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%)

- A. Ghi nhận vào tài khoản Chi phí công cụ lao động chờ phân bổ
- B. Ghi nhận vào tài khoản Chi phí công cụ lao động
- C. Ghi nhận vào tài khoản Công cụ lao động
- D. Ghi nhận vào tài khoản Nguyên giá tài sản cố định

Câu 14:

Đối tượng tài trợ của cho vay ngắn hạn doanh nghiệp là:

- A. Tài sản lưu động chưa có nguồn tài trợ

- B. Tài sản cố định chưa có nguồn tài trợ
- C. Tài sản lưu động
- D. Tài sản cố định